

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2017/DS-ST
Ngày:18/4/2017
“V/v Tranh chấp hợp đồng hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh Hội.
2. Ông Lê Văn Nhữn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2016/TLST-DS ngày 19/7/2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-DS ngày 07/3/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-DS ngày 29/3/2017 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị D**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Có mặt).

2.Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

(Có mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà **Đặng Thị Tuyết H** (tên gọi khác: **L**), sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2014, bà Đặng Thị D là nguyên đơn có mở dây hội do bà D làm chủ hội gồm 16 thành viên, trong đó có ông T. Thống nhất số tiền chơi hội là 5.000.000 đồng, 04 tháng khai hội một lần, với cách thức như sau:

Mỗi lần khai hội các thành viên lần lượt bỏ ra một số tiền (dưới 5.000.000 đồng) để dành quyền hốt hội, thành viên nào bỏ ra số tiền cao nhất sẽ được hốt hội, các thành viên còn lại mỗi người có nghĩa vụ góp số tiền hội tương ứng với số tiền là 5.000.000 đồng trừ đi số tiền mà thành viên đã bỏ tiền hội cao nhất.

Lần khai hội đầu tiên ông T bỏ tiền hội cao nhất với số tiền là 2.400.000 đồng, 15 thành viên còn lại góp mỗi người 2.600.000 đồng, ông T được hốt hội với số tiền là 39.000.000 đồng. Ngày 20/3/2014 bà đã giao đủ 39.000.000 đồng cho ông T và có làm biên nhận có chữ ký của bà với ông T, khi giao nhận tiền có bà L là chị của bà chứng kiến. Sau khi nhận tiền, ông T có đóng hội được 03 lần với tổng cộng số tiền là 15.000.000 đồng vào các ngày 20/7/2014, 20/11/2014 và 20/3/2015. Nhưng đến các lần khai hội tiếp theo vào ngày 20/7/2015 cho đến ngày 14/7/2016 thì ông T không đóng tiền hội nữa. Bà D đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông T trả số tiền nợ hội chưa thanh toán cho bà nhưng ông T không thực hiện. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T phải trả lại số tiền nợ hội còn thiếu từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 (03 đợt) là 15.000.000 đồng

Bị đơn-ông Lê Văn T trình bày: Ông thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ ngày 20/3/2014 với số tiền là 39.000.000 đồng là của ông nhưng ông không nhận tiền mà bà L là chị ruột của bà D nhận nên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại bản tự khai ngày 13/9/2017, người làm chứng là bà Đặng Thị Tuyết H (L) trình bày: Do ông Lê Văn T là bạn của bà nên bà có giới thiệu ông T tham gia chơi hội cho em ruột của bà là Đặng Thị D làm chủ hội. Bà H thừa nhận lúc ông T hốt hội được số tiền 39.000.000 đồng có mặt bà chứng kiến. Bà D đã giao 39.000.000 đồng cho ông T, ông T có nhờ bà đếm tiền dùm rồi đưa tiền cho ông T nên ông T mới ký biên nhận nợ với bà D. Còn sau đó ông T có đóng tiền hội lại cho bà D hay không thì bà không biết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà D trình bày: Do ông T là bạn của bà Đặng Thị Tuyết H (L), bà H là chị ruột của bà và bà H có giới thiệu ông T chơi hội nên bà tin tưởng cho ông T tham gia vào dây hội nêu trên.

Dây hội mở ngày 20/3/2014, chủ hội và các con hội thỏa thuận: Số tiền chơi hội là 5.000.000 đồng, 04 tháng khai hội một lần, với cách thức như sau: Mỗi lần khai hội các thành viên lần lượt bỏ ra một số tiền (dưới 5.000.000 đồng) để dành quyền hốt hội, thành viên nào bỏ ra số tiền cao nhất sẽ được hốt hội, các thành viên còn lại mỗi người có nghĩa vụ góp số tiền hội tương ứng với số tiền là 5.000.000 đồng trừ đi số tiền mà thành viên đã bỏ tiền hội cao nhất.

Do ông T là người bỏ ra số tiền cao nhất là 2.400.000 đồng nên ông được hốt hội đầu tiên với tổng số tiền là 39.000.000 đồng (2.600.000 đồng X 15 người chơi hội còn lại = 39.000.000 đồng). Sau đó ông T đã đóng tiền hội được 03 lần là 12 tháng với số tiền là 15.000.000 đồng nhưng kể từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 (03 đợt) ông T không đóng hội nữa nên bà D yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền nợ hội là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Các phần nợ hội tiếp theo của dây hội này thì bà D chưa khởi kiện.

Ông T trình bày: Ông với bà Đặng Thị Tuyết H (L) là bạn thân với nhau. Bà L có giới thiệu ông tham gia chơi hụi với bà D nên ông đồng ý tham gia để hốt hụi lấy tiền làm ăn. Ông thống nhất với bà D về việc ông có tham gia chơi hụi, cách thức chơi hụi như bà D trình bày và chữ ký trong biên nhận nợ hụi ngày 20/3/2014 với số tiền là 39.000.000 đồng là của ông. Ông đã đóng tiền hụi được 03 đợt của 12 tháng, mỗi đợt 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà D giao 39.000.000 đồng tiền ông hốt hụi thì bà L có nói ông cho bà L mượn số tiền 39.000.000 đồng này và hứa 01-02 tháng sẽ trả lại cho ông. Do ông tin tưởng bà L nên ông mới cho bà L mượn ngay lúc ấy mà không làm biên nhận gì với bà L. Ông đã yêu cầu bà L trả tiền cho ông nhưng bà L không trả. Do đó các đợt hụi từ ngày ngày 20/7/2015 đến nay ông không có khả năng đóng hụi cho bà D. Do bà L là chị ruột của bà D có mượn 39.000.000 đồng tiền hốt hụi của ông nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Bà D trình bày: Việc ông T có cho bà H (L) mượn tiền hụi hay không thì bà không biết, không liên quan đến dây hụi mà bà đang khởi kiện. Bà đã giao đủ số tiền 39.000.000 đồng cho ông T và có lập biên nhận. Ông T là con hụi và đã hốt hụi nên bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông T vẫn giữ nguyên ý kiến, không đồng ý với yêu cầu của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân với nhau, bị đơn là ông Lê Văn T, sinh năm: 1978 hiện cư trú tại ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã T ngày 05/7/2016 và kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An ngày 03/3/2016) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 20/3/2014 và sự thừa nhận của các đương sự thì giữa các đương sự đã phát sinh giao dịch dân sự là hợp đồng góp hụi. Do phía bị đơn là ông Lê Văn T vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hụi theo định kỳ đã thỏa thuận nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy nguyên đơn khởi kiện. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 và Điều 471 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do ông T vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hụi vào ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 nên ngày 14/7/2016 bà D nộp đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 và Điều 429 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

[4] Về nội dung vụ án: Bà D và ông T đều thừa nhận bà D là chủ hụi, ông T có tham gia chơi dây hụi ngày 20/3/2014, dây hụi gồm 16 thành viên. Theo thỏa

thuận thì các thành viên chơi hội thống nhất số tiền chơi hội là 5.000.000 đồng, 04 tháng khui hội một lần, với cách thức chơi hội là mỗi lần khui hội các thành viên lần lượt đưa ra giá tiền (dưới 5.000.000 đồng) để dành quyền hốt hội, thành viên nào đưa ra số tiền cao nhất sẽ được hốt hội, các thành viên còn lại mỗi người có nghĩa vụ góp số tiền hội tương ứng với số tiền là 5.000.000 đồng trừ đi số tiền mà thành viên đã bỏ hội cao nhất. Trong lần khui hội đầu tiên, ông Lê Văn T đưa ra số tiền cao nhất là 2.400.000 đồng nên được hốt hội với số tiền là 39.000.000 đồng, bà D đã giao số tiền trên cho ông T có biên nhận hội ngày 20/3/2014. Sau đó ông T có đóng hội cho bà D được 03 lần tiếp theo tương ứng với 12 tháng là 15.000.000 đồng. Kể từ lần khui hội lần thứ tư ngày 20/7/2015 thì ông T không đóng tiền hội nữa. Mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu ông T đóng hội nhưng ông T không thực hiện.

Căn cứ vào biên nhận hội ngày 20/3/2014 với số tiền 39.000.000 đồng do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn đối với chữ ký trên biên nhận nợ trên cho thấy sự việc trên là có thật, ông T đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hội theo định kỳ như đã thỏa thuận, lỗi hoàn toàn của ông T dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm nên bà D yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền đóng hội từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 với số tiền nợ hội là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Đối với các đợt ông T phải đóng tiền hội sau ngày 14/7/2016 bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, bà D có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông cho rằng ông đã cho bà Đặng Thị Tuyết H (L) mượn ngay số tiền ông đã hốt hội được là 39.000.000 đồng, bà H chưa trả lại tiền cho ông, do đó ông không có khả năng trả tiền nợ hội cho bà D. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông thừa nhận có tham gia chơi hội nêu trên, cách thức chơi hội và ông đã hốt hội với số tiền 39.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 20/3/2014 nên ông phải có nghĩa vụ thực hiện trả tiền đóng hội từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 với số tiền là 15.000.000 đồng cho bà D. Việc ông cho rằng ông đã cho bà H mượn lại số tiền trên là giao dịch dân sự vay tài sản giữa ông với bà H, không liên quan đến việc chơi hội mà ông đã tham gia với bà D. Do đó, ý kiến của ông T là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D. Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 cho bà Đặng Thị D là 15.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Đặng Thị D là nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Lê Văn T

phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 15.000.000 đồng = 750.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26; các Điều 147, 184, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ vào các Điều 357, 429, và 471 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn T phải trả cho bà Đặng Thị D số tiền chưa đóng hui từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/7/2016 là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn T phải chịu 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bà Đặng Thị D không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009884 ngày 19/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái